

Số: 138/KH-THCSNĐC

Bình Tây, ngày 29 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH THU - CHI **Năm học 2025 - 2026**

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư của Bộ tài chính: số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các văn bản khác liên quan;

Căn cứ Nghị quyết 18/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 1619/SGDĐT-KHTC ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục & Đào Tạo về hướng dẫn lựa chọn nội dung trong chương trình của nhà trường từ năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn 1888/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Liên tịch số 1332/HDLS/BHXH-GDDT ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Sở Giáo dục & Đào tạo và Bảo hiểm xã hội TP.HCM về hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 634/UBND ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Tây về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn phường;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025, tình hình thực tế tại đơn vị cũng như điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập và phát triển các kỹ năng của học sinh. Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh



xây dựng Kế hoạch dự toán thu - chi các khoản thu khác năm học 2025-2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đảm bảo điều kiện học tập và an toàn sức khỏe cho học sinh khi tham gia học tập tại trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

- Xây dựng định mức các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026 theo đúng quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong công tác quản lý tài chính của nhà trường.

- Thông tin, tuyên truyền rộng rãi trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh về việc thực hiện công tác tài chính của nhà trường trong năm học 2025-2026.

2. Yêu cầu

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, thực hiện các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 đảm bảo thực hiện theo đúng quy định và được sự đồng thuận của phụ huynh học sinh.

- Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, thông tin đến toàn thể phụ huynh học sinh nhằm nâng cao hiểu biết và trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên, PHHS đảm bảo an ninh trật tự trường học.

- Phát huy sức mạnh tập thể, huy động toàn thể lực lượng trong nhà trường, PHHS tạo điều kiện thuận lợi cho công tác triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, nâng cao chất lượng giáo dục.

- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với chính quyền, các ban ngành đoàn thể tại địa phương và gia đình học sinh.

II. NGUYÊN TẮC THU CHI

- Các khoản thu, mức thu phải thực hiện thỏa thuận giữa nhà trường với cha mẹ học sinh thể hiện bằng văn bản; khoản thu và mức thu khi thực hiện không vượt qua mức tối đa được Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Phường Bình Tây quy định, thời gian thu không vượt quá 9 tháng.

- Các khoản thu, mức thu phải phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, điều kiện kinh tế và thu nhập của cha mẹ học sinh và đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

- Căn cứ vào tình hình, điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương về việc tổ chức các dịch vụ phục vụ và các hoạt động giáo dục cần thiết tại nhà trường; Căn cứ vào nhu cầu của học sinh, thu nhập của cha mẹ học sinh thống nhất với cha mẹ học sinh về việc lựa chọn các dịch vụ và hoạt động giáo dục khác phù hợp theo nguyên tắc tự nguyện, không áp đặt. Mỗi khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục phải xây dựng dự toán chi cụ thể để làm cơ sở xác định mức thu đối với học sinh.

- Đối với các khoản thu đủ bù chi không thực hiện thu ở các tháng tiếp theo nếu số thu đã đảm bảo đủ các mức chi phục vụ cho học sinh.

Mức chi do nhà trường tính toán xây dựng kế hoạch, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp với nguồn kinh phí thu được.

1. PHÂN THU:

a. Học phí chính khóa: Tạm thời không thu, chờ hướng dẫn

b. Các khoản thu hoạt động dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo quy định tại Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 24/07/2025

❖ Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú:

- Dự kiến thu: 300.000 đồng/học sinh/tháng x 778 học sinh = 233.400.000 đồng

- Mức thu tăng 20.000 đồng (7.1%) so với năm học 2024-2025 (280.000 đồng/học sinh/tháng)

- Thuyết minh: Dự kiến tăng mức thu dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú năm học 2025 – 2026 thêm 20.000 đồng so với năm học 2024 – 2025 nhằm bù đắp chi phí điện, nước, vật tư tiêu hao, vệ sinh trường lớp tăng; đồng thời đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường nhân lực quản lý bán trú, thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh học đường. Việc điều chỉnh ở mức hợp lý, phù hợp khả năng đóng góp của phụ huynh, đảm bảo cân đối thu – chi và nâng cao điều kiện chăm sóc học sinh.

❖ Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu

- Dự kiến thu: 26.400 đồng/học sinh/năm học x 1053 học sinh = 27.799.200 đồng

- Mức thu tăng 3.400 đồng (14.8%) so với năm học 2024-2025 (23.000 đồng/học sinh/năm học)

- Thuyết minh: Dự kiến tăng mức thu dịch vụ khám sức khỏe ban đầu cho học sinh năm học 2025 – 2026 thêm 3.400 đồng so với năm học 2024 – 2025 nhằm bù đắp chi phí y tế tăng theo giá dịch vụ, bao gồm công khám, xét nghiệm cơ bản, vật tư y tế tiêu hao và thuốc thiết yếu; đồng thời đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng khám sức khỏe, thực hiện đầy đủ quy định về theo dõi, quản lý sức khỏe học sinh. Việc điều chỉnh ở mức hợp lý, phù hợp khả năng đóng góp của phụ huynh, đảm bảo duy trì ổn định hoạt động khám sức khỏe định kỳ cho học sinh.

❖ Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)

- Đối với lớp đã được trang bị sẵn máy lạnh (Khối 8+9)

+ Dự kiến thu: 26.000 đồng/học sinh/tháng x 561 học sinh = 14.586.000 đồng

+ Mức thu tăng 3.000 đồng (13%) so với năm học 2024-2025 (23.000 đồng/học sinh/tháng)

+ Thuyết minh: Dự kiến tăng mức thu dịch vụ sử dụng máy lạnh tại các lớp học có máy lạnh năm học 2025 – 2026 thêm 3.000 đồng so với năm học 2024 – 2025 nhằm bù đắp chi phí tiền điện tăng theo giá thị trường, chi phí bảo trì, vệ sinh định kỳ và thay thế vật tư tiêu hao của máy lạnh; đồng thời đảm bảo duy trì hoạt động ổn định, an toàn và tạo môi trường học tập thoải mái cho học sinh.

- Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê (Khối 6+7)

+ Học sinh bán trú

• Dự kiến thu: 92.000 đồng/học sinh/tháng x 374 học sinh = 34.408.000 đồng

• Mức thu tăng 12.000 đồng (15%) so với năm học 2024-2025 (80.000 đồng/học sinh/tháng)

+ Học sinh 2 buổi

• Dự kiến thu: 80.000 đồng/học sinh/tháng x 115 học sinh = 9.200.000 đồng

• Mức thu tăng 10.000 đồng (14.29%) so với năm học 2024-2025 (70.000 đồng/học sinh/tháng)

+ Thuyết minh: Dự kiến tăng mức thu dịch vụ sử dụng máy lạnh tại các lớp học có máy lạnh năm học 2025 – 2026 thêm 12.000 đồng so với năm học 2024 – 2025 nhằm bù đắp chi phí tiền điện tăng theo giá thị trường, chi phí bảo trì – vệ sinh định kỳ, thay thế vật tư tiêu hao và chi phí thuê máy lạnh; đồng thời đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, an toàn, tạo môi trường học tập thuận lợi và thoải mái cho học sinh.

❖ Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số - Sổ liên lạc điện tử

- Sổ liên lạc điện tử

+ Dự kiến thu: 135.000 đồng/học sinh/năm học x 1053 học sinh = 142.155.000 đồng

+ Mức thu không thay đổi so với năm học 2024-2025

- Phần mềm học trực tuyến K12Online

+ Dự kiến thu: 100.000 đồng/học sinh/năm học x 1053 học sinh = 105.300.000 đồng

+ Mức thu không thay đổi so với năm học 2024-2025

c. Các khoản thu tổ chức chương trình nhà trường

❖ Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"

- Tin học quốc tế IC3 (Khối 6)

+ Dự kiến thu: 180.000 đồng/học sinh/tháng x 221 học sinh = 39.780.000 đồng

+ Mức thu mới phát sinh năm học 2025-2026
 - Tin học quốc tế ICDL (Khối 7+8+9)
 + Dự kiến thu: 120.000 đồng/học sinh/tháng x 532 học sinh = 63.840.000 đồng

+ Mức thu không thay đổi so với năm học 2024-2025

❖ **Tiền tổ chức dạy tăng cường ngoại ngữ**

- Dự kiến thu: 100.000 đồng/học sinh/tháng x 1053 học sinh = 105.300.000 đồng

- Mức thu không thay đổi so với năm học 2024-2025

❖ **Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài**

- Dự kiến thu: 200.000 đồng/học sinh/tháng x 1021 học sinh = 204.200.000 đồng

- Mức thu không thay đổi so với năm học 2024-2025

❖ **Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi**

- Dự kiến thu: 220.000 đồng/học sinh/tháng x 849 học sinh = 186.780.000 đồng

- Mức thu không thay đổi so với năm học 2024-2025

❖ **Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống**

- Dự kiến thu: 80.000 đồng/học sinh/tháng x 1034 học sinh = 82.720.000 đồng

- Mức thu không thay đổi so với năm học 2024-2025

❖ **Tiền tổ chức Giáo dục STEM**

- Dự kiến thu: 90.000 đồng/học sinh/tháng x 330 học sinh = 29.700.000 đồng

- Mức thu không thay đổi so với năm học 2024-2025

d. các khoản thu tổ chức dịch vụ khác cho cá nhân học sinh

❖ **Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú**

- Dự kiến thu: 170.000 đồng/học sinh/năm học x 778 học sinh = 132.260.000 đồng

- Mức thu tăng 20.000 đồng (13.3%) so với năm học 2024-2025 (150.000 đồng/học sinh/năm học)

- Thuyết minh: Dự kiến tăng mức thu tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú năm học 2025 – 2026 thêm 20.000 đồng so với năm học 2024 – 2025 nhằm bù đắp chi phí tăng do giá cả thị trường, đồng thời bổ sung, thay thế các thiết bị và vật dụng phục vụ sinh hoạt, học tập, ăn nghỉ bán trú đã hư hỏng hoặc xuống cấp; đảm bảo duy trì điều kiện bán trú an toàn, đầy đủ và ngày càng nâng cao chất lượng phục vụ học sinh

❖ **Học phẩm**

- Dự kiến thu: 31.000 đồng/học sinh/năm học x 1053 học sinh = 32.643.000 đồng

- Mức thu đối với Khối 7+8+9 không thay đổi, Khối 6 có TATC giảm 19.000 đồng (38%), Khối 6 không có TATC giảm 9.000 đồng (22.5%) so với năm học 2025-2026 do nhà trường thực hiện học bạ số, vì vậy không mua học bạ thường và học bạ TATC

❖ **Tiền suất ăn bán trú**

- Dự kiến thu: 38.000 đồng/học sinh/ngày x 778 học sinh = 29.564.000 đồng

- Mức thu không thay đổi so với năm học 2024-2025

❖ **Tiền nước uống**

- Dự kiến thu: 11.000 đồng/học sinh/tháng x 1053 học sinh = 11.583.000 đồng

- Mức thu tăng 1.000 đồng (10%) so với năm học 2024-2025 (10.000 đồng/học sinh/năm học)

- Thuyết minh: Dự kiến tăng mức thu tiền nước uống năm học 2025 – 2026 thêm 1.000 đồng so với năm học 2024 – 2025 nhằm bù đắp chi phí mua nước uống đóng bình/dóng chai tăng theo giá thị trường, đồng thời đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời nguồn nước sạch, an toàn và chất lượng phục vụ nhu cầu sinh hoạt, học tập của học sinh

e. Các khoản thu bắt buộc

❖ **Bảo hiểm y tế**

Căn cứ Văn bản hướng dẫn liên sở số 1332/HDLS/BHXH-GDDĐT ngày 4 tháng 9 năm 2025 về việc thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2025-2026

- Dự kiến thu 631.800 đồng/học sinh/năm học x 1000 học sinh = 631.800.000 đồng

2. PHẦN CHI (Đính kèm phụ lục 1)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu

- Xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân phường Bình Tây
- Ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai trong toàn Hội đồng sư phạm, chính quyền địa phương, phụ huynh học sinh bằng nhiều hình thức như bản tin, trang web, group zalo...

- Tổ chức thực hiện thoả thuận với từng phụ huynh học sinh toàn trường. Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách miễn giảm của nhà nước và các em thuộc diện khó khăn được đề nghị miễn giảm các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá, giáo dục thực hiện theo đề án.

- Triển khai thực hiện các nội dung thu, chi theo kế hoạch trong năm học 2025- 2026, thực hiện điều chỉnh, bổ sung các khoản thu, chi nếu có thay đổi khi có văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Phường Bình Tây và sau khi thoả thuận với phụ huynh học sinh.

2. Các đoàn thể

- Tham gia góp ý các nội dung trong kế hoạch thực hiện cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026.

- Vận động công đoàn viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động trong phụ huynh học sinh.

- Phối hợp Ban giám hiệu giám sát việc thực hiện các khoản thu, chi theo đúng quy định.

- Phối hợp Ban giám hiệu giám sát công tác công khai, minh bạch trong việc thực hiện các khoản thu, chi hàng tháng.

- Lập danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn đề xuất hỗ trợ miễn giảm các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá, giáo dục thực hiện theo đề án và chăm lo cho các em có điều kiện đến trường.

3. Giáo viên, nhân viên

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung trong Kế hoạch thực hiện các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025 - 2026.

- Tuyên truyền và thực hiện thoả thuận với từng phụ huynh học sinh trong lớp về việc thực hiện các khoản thu. Thực hiện tốt vai trò cầu nối giữa Ban giám hiệu và phụ huynh học sinh, kịp thời thông tin đến phụ huynh những nội dung, thông báo của nhà trường và phản hồi những ý kiến, phản ánh của PHHS với Ban giám hiệu để kịp thời trao đổi, xử lý

- Phối hợp với các đoàn thể xem xét học sinh có hoàn cảnh khó khăn đề xuất hỗ trợ miễn giảm các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá, giáo dục thực hiện theo đề án và chăm lo cho các em có điều kiện đến trường.

Nơi nhận

- UBND P. BT;
- Đăng trang Web trường;
- Lưu VT.

Hiệu trưởng



Huỳnh Minh Hoàng



**DỰ TOÁN THU-CHI CÁC DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2025-2026**

Ban hành kèm theo Kế hoạch số 158 /KH-THCSNĐC ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Đức Cảnh

Phụ lục 1

Tên nguồn thu	Nội dung thu	Tổng thu			Nội dung, tỉ lệ chi theo QCCTNB	Tổng chi
		Mức thu DVT:	Số học sinh	Thời gian thu		
					2% trên tổng thu đóng thuế TNDN	39.678.000
					20% trên tổng thu chi quản lý trực tiếp và gián tiếp	396.780.000
					Giáo viên chủ nhiệm lớp bán trú 70.000 đồng/ tiết (1 tuần 2 tiết)	1114.240.000
					Bảo mẫu kiêm nhiệm 1.900.000 đồng/tháng/người	306.850.000
					Bảo vệ, phục vụ, giám thị 1.300.000 đồng/tháng/người	132.600.000
					- Chi hoạt động trường, chi lương, điện, nước, thu gom rác, điện thoại, văn phòng phẩm.....	
					- Chi mua sắm vật tư phục vụ công tác bán trú (giấy vệ sinh, dung dịch khử khuẩn, thùng rác, chổi, kem đánh răng...) và thiết bị phục vụ công tác vệ sinh cho học sinh bán trú của nhà trường. Thực hiện thành quyết toán theo quy định tài chính hiện hành.	
					- Ngoài ra, tùy hoàn cảnh mà chi thuê mượn nhân công thực hiện công tác vệ sinh, khử khuẩn, lau chùi khu vực nhà ăn, nhà ngủ, nhà vệ sinh bán trú theo thỏa thuận giữa Hiệu trưởng và người lao động.	
					- Chi thuê mượn dịch vụ vệ sinh công nghiệp để thực hiện vệ sinh, khử khuẩn các nhà vệ sinh và phòng ngủ bán trú, đảm bảo đúng nguyên tắc tài chính và phù hợp với hoàn cảnh (nếu có) => Trong trường hợp sau khi trừ chi phí, nếu sử dụng không hết số thu, số còn lại trích 40% CCTL theo Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính và trích lập các quỹ theo quy định.	993.752.000
						1.983.900.000
					2% trên tổng thu đóng thuế TNDN	553.984
					Tiền công khám sức khỏe định kỳ cho học sinh đầu năm học	27.243.216
						27.799.200
					2% trên tổng thu đóng thuế TNDN	2.479.620
					Chi trả tiền điện sử dụng máy lạnh của các lớp học.	
					Chi thuê công ty bảo trì, vệ sinh máy lạnh của các lớp học: ít nhất 2 lần/năm	121.501.380
						123.981.000
					2% trên tổng thu đóng thuế TNDN	5.849.360
					Chi trả tiền điện sử dụng máy lạnh của các lớp học.	
					Chi thuê công ty bảo trì, vệ sinh máy lạnh của các lớp học: ít nhất 2 lần/năm	286.618.640
					Chi tiền thuê máy lạnh	
						292.468.000
						292.468.000



Tên nguồn thu	Nội dung thu	Tổng thu			Tổng chi
		Mức thu ĐVT:	Số học sinh	Thời gian thu	
					17.901.000
					179.010.000
		100.000	1.053	8,5 tháng	341.250.000
	Tiền tổ chức dạy tăng cường ngoại ngữ				895.050.000
			Tổng cộng		895.050.000
Các khoản thu tổ chức chương trình nhà trường					34.714.000
					1.492.702.000
		200.000	1021	8,5 tháng	138.856.000
	• Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài				69.428.000
			Tổng cộng		1.735.700.000
	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi	220.000	849	1,5 tháng	280.170.000
			Tổng cộng		280.170.000
					14.062.400
					618.745.600
					49.218.400
	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	80.000	1.034	8,5 tháng	703.120.000
			Tổng cộng		703.120.000



Tên nguồn thu	Nội dung thu	Tổng thu				Nội dung, tỉ lệ chi theo QCCTNB	Tổng chi	
		Mức thu DV/T:	Số học sinh	Thời gian thu	Tổng cộng			
	Tiền tổ chức dạy STEM	90.000	330	8.5 tháng	252.450.000	2% trên tổng thu đóng thuế TNDN	5.049.000	
						88% trên tổng thu chi trả cho Công ty cổ phần giáo dục công nghệ ICHI SKILL	222.156.000	
							70%/10% tổng thu Chi quản lý trực tiếp và gián tiếp	17.671.500
		Tổng cộng				252.450.000	252.450.000	
các khoản thu tổ chức dịch vụ khác cho cả nhân học sinh	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	170.000	778	1 năm học	132.260.000	2% trên tổng thu đóng thuế TNDN	2.645.200	
							=> Trong trường hợp sau khi trừ chi phí, nếu sử dụng không hết số thu, số còn lại trích 40% CCTL theo Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính và trích lập các quỹ theo quy định.	129.614.800
							- Khoản thu này chi phục vụ cho công tác đồ dùng bán trú, không chi cho các khoản thanh toán cho cá nhân và phúc lợi tập thể.	
		Tổng cộng					132.260.000	132.260.000
	Học phẩm	31.000	1.053	1 năm học	32.643.000	2% trên tổng thu đóng thuế TNDN	652.860	
		Tổng cộng				98% Mua Phụ hiệu, giấy kiểm tra	31.990.140	
	Tiền suất ăn trưa bán trú	38.000	778	180 ngày	5.321.520.000	Trả tiền suất ăn trưa bán trú cho học sinh	5.321.520.000	
		Tổng cộng				5.321.520.000	5.321.520.000	
	Nước uống học sinh	11.000	1.053	8,5 tháng	98.455.500	2% trên tổng thu đóng thuế TNDN	1.969.110	
		Tổng cộng				Còn lại chi trả mua nước uống hiệu ION King hàng ngày cho học sinh.	96.486.390	
		Tổng cộng				98.455.500	98.455.500	
Các khoản thu bắt buộc	Tiền Bảo hiểm y tế học sinh	631.800	1.000	1 năm học	631.800.000	100% thanh toán cho Bảo hiểm xã hội quận 6	631.800.000	
		Tổng cộng				631.800.000	631.800.000	